

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG
Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 12 – 01 – 2026
“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Miên.

Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2205 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1981; số hộ chiếu C9854740; HKTT: thôn T K, xã K S, thành phố HP. Hiện ở: số 532, ngõ 99, đường Lunding, khu phố 11, làng Lunding, thị trấn Vạn Đan, huyện Bình Đông, Đài Loan. *Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Ngô Thị Mai, sinh năm 1966. Địa chỉ: Căn hộ 15A01 Tòa FS chung cư GoldSeason, số 47 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1977; CCCD số 030077024714. Địa chỉ: thôn T K, xã K S, thành phố HP.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2001. Địa chỉ: thôn T K, xã K S, thành phố HP.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (nay là xã Kẽ Sắt, thành phố Hải Phòng) vào năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình anh T. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng trong cách sống và làm ăn kinh tế. Năm 2014, chị đồng ý để anh T sang Đài Loan lao động với mong muốn kinh tế gia đình tốt hơn thì cuộc sống bớt mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi sang Đài Loan cuộc sống vợ chồng anh chị lại mâu thuẫn thêm, anh T không quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị ở nhà, chị liên lạc cho anh cũng không được. Chính vì vậy, chị quyết định sang Đài Loan lao động để được gần anh, đồng thời hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị sang Đài Loan vào tháng 8/2024 nhưng vợ chồng vẫn không nói chuyện được với nhau. Đến đầu năm 2025 thì anh T về nước. Chị liên lạc điện thoại cho anh, anh cũng không nghe máy nên chị không còn cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 09/09/2001; cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 31/05/2003 và cháu Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 26/8/2013. Hiện nay cháu Q và cháu T đã đến tuổi trưởng thành, có công việc và thu nhập ổn định nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu L hiện nay đang sinh sống cùng cháu Q con gái lớn của chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trường hợp anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chị cũng đồng ý và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh là 1.000.000đ/tháng cho đến khi thành niên. Trường hợp chị được nuôi dưỡng cháu L thì chị sẽ lo thủ tục cho con sang Đài Loan với chị, trong thời gian cháu chưa sang được thì đề nghị tạm giao cháu L cho cháu Q nuôi dưỡng vì hiện nay cháu Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và cuộc sống của cháu L rất ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn như chị T trình bày là chính xác. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân cũng do kinh tế khó khăn nên anh quyết định đi Đài Loan lao động và chị T ở nhà nuôi dưỡng con. Anh đi lao động từ năm 2014, anh thừa nhận tại Đài Loan anh cũng có người phụ nữ khác nhưng chỉ là do anh sống xa nhà lâu năm chứ thực sự anh vẫn còn tình cảm với chị T. Đến năm 2024 chị T sang lao động tại Đài Loan nhưng vợ chồng không sinh sống cùng mà mỗi người sống một nơi, thỉnh thoảng anh có xuống thăm chị. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nảy sinh. Anh cũng phần nào nghi ngờ chị có người đàn ông khác nhưng không có căn cứ chứng minh. Mỗi lần xuống chơi, chị đều xa cách và lạnh nhạt với anh nên anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Khoảng tháng 4/2025 anh đến thăm chị thì bị công an bên nước Đài Loan kiểm tra và trục xuất anh về nước. Anh sống tại Đài Loan là sống bất hợp pháp và anh nghi ngờ chị đã báo công an để trục xuất anh về nước. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện nay hai cháu lớn của anh chị là cháu Q và cháu T đã trưởng thành, có việc làm ổn định nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Q, sinh ngày 26/8/2013, khi chị làm đơn xin ly hôn anh, anh cũng hỏi nguyện vọng của cháu thì được biết, cháu có nguyện vọng sinh sống cùng mẹ nên anh nhất trí và đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T hiện đang sinh sống tại Đài Loan, chị T xác định tạm giao cháu L cho cháu Q nuôi dưỡng trong thời gian chị T làm việc tại Đài Loan, anh cũng chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết, nếu có đề nghị thì anh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc Q trình bày: Chị là con đẻ của của bố Nguyễn Ngọc T và mẹ Lê Thị T. Bố mẹ chị sinh được 03 người con gồm chị và hai em gái. Quá trình chúng sống bố mẹ có mâu thuẫn nảy sinh. Nay mẹ chị làm đơn xin ly hôn bố chị và bố chị cũng nhất trí ly hôn. Đó là việc của bố mẹ, chị không có ý kiến gì. Đối với việc nuôi con

sau ly hôn. Tại thời điểm này chỉ còn em chị là Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 26/8/2013 chưa thành niên. Bố mẹ chị thỏa thuận mẹ chị là người trực tiếp nuôi dưỡng em Quỳnh L. Do hiện nay mẹ chị đang đi lao động tại Đài Loan nên đề nghị chị tạm thay mẹ nuôi dưỡng em L. Chị hoàn toàn nhất trí. Kể từ thời điểm mẹ chị đi lao động Đài Loan thì em L vẫn do chị nuôi dưỡng. Em vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Chị có đủ điều kiện để thay mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng em cho đến khi mẹ chị về nước hoặc làm thủ tục đưa em L sang Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền trong việc giao nhận văn bản tố tụng, chị Ngô Thị Mai trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị T trong việc giao nhận các văn bản tố tụng. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị T biết; chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên toà, nguyên đơn (thông qua đơn xin xét xử vắng mặt) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Bị đơn còn vắng mặt các buổi làm việc do Tòa án triệu tập.

Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 26/8/2013 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao cháu L cho cháu Nguyễn Ngọc Q chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (được viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện anh Nguyễn Ngọc T. Anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn T K, xã K S, thành phố HP. Toà án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng thụ lý là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Họ đều có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Kẽ Sắt, thành phố Hải Phòng) vào năm 2000. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày hoàn toàn phù hợp với nhau: Do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xô xát nên cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Chị T xin ly hôn, anh T nhất trí. Do anh chị đều vắng mặt tại phiên hoà giải nên HĐXX cần xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Ngọc T cùng chị Nguyễn Ngọc Q thống nhất quan điểm: Khi ly hôn, giao con Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 26/8/2013 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Con chung Nguyễn Lê Quỳnh L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì quyền lợi mọi mặt của con, HĐXX giao con Nguyễn Lê Quỳnh L cho chị T nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay, chị T đang lao động tại Đài Loan nên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm giao con Nguyễn Lê Quỳnh L cho chị Nguyễn Ngọc Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi chị T về Việt Nam và yêu cầu chị Quỳnh giao lại con để chị T thực hiện quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

[2]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 09/09/2001; Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 31/05/2003 và Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 26/8/2013. Con Quỳnh và Trang đã trưởng thành nên Tòa án không phải giải quyết.

Giao con Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 26/8/2013 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Chị T hiện đang lao động nước ngoài nên tạm giao con Nguyễn Lê Quỳnh L cho chị Nguyễn Ngọc Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Quỳnh có trách nhiệm giao con lại cho chị T khi chị T về Việt Nam.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu số tiền 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp (chị Mai nộp thay) theo biên lai thu số 0006737 ngày 19/11/2025 tại Thị hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị Quỳnh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng.
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng.
- Các đương sự.
- UBND xã Kê Sặt, TP. Hải Phòng.
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào